

Số: 05/2019/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở được bố trí sử dụng trước ngày 05 tháng 7 năm 1994 thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại;

Căn cứ Thông tư số 11/2008/TT-BXD ngày 05/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ "về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại";

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 373/TTr-SXD ngày 19/02/2019, Báo cáo số 117/BC-STP ngày 11/7/2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Giá cho thuê nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở được bố trí sử dụng trước ngày 05 tháng 7 năm 1994 (ngày Nghị định số 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở có hiệu lực thi hành) thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến nhà ở.
- b) Đơn vị vận hành quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước; các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

1. Nhà ở thông thường tại 08 phường: Nguyễn Nghiêm, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nghĩa Lộ, Chánh Lộ, Quảng Phú, Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Nhà ở thông thường thuộc đường phố loại 1 và 2:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	19.300	17.500	16.600	14.900	13.100	11.400
II	17.800	16.200	15.400			
III	17.300	15.700				
IV	11.600					

b) Nhà ở thông thường thuộc đường phố loại 3:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	17.500	15.800	14.900	13.100	11.400	9.600
II	16.200	14.600	13.800			
III	15.700	14.100				
IV	10.600					

c) Nhà ở thông thường thuộc đường phố các loại còn lại:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	15.800	14.000	13.100	11.400	9.600	7.900
II	14.600	13.000	12.200			
III	14.100	12.600				
IV	9.500					

2. Nhà ở thông thường tại phường Trương Quang Trọng thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Nhà ở thông thường thuộc đường phố loại 1 và 2:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	16.600	14.900	14.000	12.300	10.500	8.800
II	15.400	13.800	13.000			
III	14.900	13.300				
IV	10.000					

b) Nhà ở thông thường thuộc đường phố loại 3:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	14.900	13.100	12.300	10.500	8.800	7.000
II	13.800	12.200	11.400			
III	13.300	11.800				
IV	9.000					

3. Nhà ở thông thường tại thị trấn các huyện.

a) Nhà ở thông thường thuộc đường phố loại 1 và 2:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	14.900	13.100	12.300	10.500	8.800	7.000
II	13.800	12.200	11.400			
III	13.300	11.800				
IV	9.000					

b) Nhà ở thông thường thuộc đường phố loại 3:

Đơn vị tính: đồng/m² sử dụng/tháng

Cấp nhà	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
I	13.100	11.400	10.500	8.800	7.000	5.300
II	12.200	10.500	9.700			
III	11.800	10.200				

IV	7.900					
----	-------	--	--	--	--	--

4. Nhà ở biệt thự tại 08 phường: Nguyễn Nghiêm, Trần Hưng Đạo, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nghĩa Lộ, Chánh Lộ, Quảng Phú, Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Nhà ở biệt thự thuộc đường phố loại 1 và 2:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	32.000	29.100	27.600
II	38.200	34.800	33.000
III	44.700	40.700	38.600
IV	70.200	63.800	

b) Nhà ở biệt thự thuộc tương đương đường phố loại 3:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	29.100	26.200	24.700
II	34.800	31.300	29.500
III	40.700	36.600	34.600
IV	63.800	57.500	

c) Nhà ở biệt thự thuộc đường phố các loại còn lại:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	26.200	23.300	21.800
II	31.300	27.800	26.100
III	36.600	32.500	30.500
IV	57.500	51.100	

5. Nhà ở biệt thự tại phường Trương Quang Trọng thuộc thành phố Quảng Ngãi.

a) Nhà ở biệt thự thuộc đường phố loại 1 và 2:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	27.600	24.700	23.300
II	33.000	29.500	27.800
III	38.600	34.600	32.500
IV	60.600	54.300	

b) Nhà ở biệt thự thuộc đường phố loại 3:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	24.700	21.800	20.400
II	29.500	26.100	24.300
III	34.600	30.500	28.500
IV	54.300	47.900	

6. Nhà ở biệt thự tại thị trấn các huyện.

a) Nhà ở biệt thự thuộc đường phố loại 1 và 2:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	24.700	21.800	20.400
II	29.500	26.100	24.300
III	34.600	30.500	28.500
IV	54.300	47.900	

b) Nhà ở biệt thự thuộc đường phố loại 3:

Đơn vị tính: đồng/m²sử dụng/tháng

Hạng biệt thự	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3
I	21.800	18.900	17.500
II	26.100	22.600	20.900
III	30.500	26.400	24.400
IV	47.900	41.500	

Cấp nhà và hạng biệt thự trong Quyết định này được quy định tại Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở.

~~Loại đường phố trong Quyết định này áp dụng theo Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm thực hiện.~~

Mức giá cho thuê nhà nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí quản lý vận hành nhà.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi có trách nhiệm thông báo giá cho thuê nhà tại Quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước biết để thực hiện.

2. Sở Xây dựng phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND tỉnh điều chỉnh giá thuê nhà ở khi Nhà nước có điều chỉnh mức lương cơ sở; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2019 và thay thế Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh ban hành bảng giá cho thuê và một số quy định cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng